TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------

Bản án số: 05/2019/KDTM-ST
Ngày: 30-7-2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Ông Phạm Thế Kỷ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nghiêm Đình Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐHPT ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ***Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là SHB).***

Địa chỉ: phường T Đạo, quận H, Hà Nội.

Ng- ời đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L - Tổng giám đốc.

Ng- ời đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh D và ông Trịnh Quốc V – Cán bộ xử lý nợ của S (theo giấy ủy quyền số 233/UQ-TGĐ ngày 12/9/2016 của S).

Ông D, ông V có mặt.

Bị đơn: 1/ ***Ông Nguyễn Cường A*** - sinh năm 1969.

2/ ***Bà Đào Thị H*** - sinh năm 1970.

Cùng ĐKNKTT: phường M, quận C, Hà Nội.

Ng- ời có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Chu Thị T - sinh năm 1946.

- Cháu Nguyễn Hồng N - sinh năm 1995.

- Cháu Nguyễn Hà Y - sinh năm 2010.

(Cháu Y do bà T đại diện theo pháp luật).

Cùng ĐKNKTT: phường M, quận C, Hà Nội.

Ông Cường A, bà H, bà T, cháu N, cháu Y vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là SHB) do ông Nguyễn Anh D và ông Trịnh Quốc V đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày như sau:

Ngày 29/6/2012, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Lvà ông Nguyễn Cường A cùng vợ là bà Đào Thị H đã ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 191/2012/HĐTDNH-CN/SHB.LS. Theo đó SHB - Chi nhánh L cho ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H vay số tiền là 2.300.000.000 đồng để Thanh toán một phần tiền mua xe ô tô phục vụ mục đích kinh doanh.

- Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên.

- Lãi suất vay trong hạn: 16,8%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; Phương thức trả nợ: Gốc trả một lần vào ngày 30/6/2013; lãi trả vào ngày 25 hàng tháng (Bắt đầu từ ngày 30/6/2012).

Thực hiện đúng Hợp đồng tín dụng, SHB đã giải ngân cho ông Nguyễn Cường A, bà Đào Thị H theo khế ước nhận nợ số 191/2012/KU-CN/SHB.LS ngày 30/6/2012 số tiền 2.300.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 29/6/2012, SHB - Chi nhánh L và ông Nguyễn Cường A cùng bà Đào Thị H đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 72/2012/HĐTC-CN/SHB.LS số công chứng 90.2012/HĐTC quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Thái Hà, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/7/2012 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Cầu Giấy, theo đó thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ phường M, quận C, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền

sử dụng đất số AH 583161, số vào sổ cấp GCN: 799.QĐ-UBND.2007/1100 do UBND quận Cầu Giấy cấp cho ông Nguyễn Cường A ngày 09/5/2007.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho SHB nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn. Ông A và bà H chưa thanh toán được cho SHB và liên tục bị quá hạn. Tạm tính đến ngày 30/7/2018, ông A và bà H còn nợ B tổng số tiền là: 5.986.872.848 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 2.300.000.000đ; Nợ lãi trong hạn là 504.115.167 đồng; Nợ lãi quá hạn là 2.574.331.459 đồng; Phí phạt chậm trả lãi là 608.426.222 đồng.

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, SHB đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho ông A và bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà đều không thực hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án SHB đã tự nguyện rút yêu cầu ông A và bà H phải thanh toán cho SHB phí phạt chậm trả lãi. Nay SHB đề nghị Tòa án ra quyết định buộc ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H phải trả cho SHB toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày Tòa án xét xử là: 5.378.446.626 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 2.300.000.000đ; Nợ lãi trong hạn là 504.115.167 đồng; Nợ lãi quá hạn là 2.574.331.459 đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi của số tiền ông A và bà H chưa thanh toán cho SHB theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông A và bà H thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho SHB.

Nếu ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H không trả nợ hoặc không trả đủ nợ thì SHB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: phường M, quận C, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 583161 do UBND quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội cấp ngày 9/5/2007 cho ông Nguyễn Cường A. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị tòa án tuyên buộc ông A, bà H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ còn thiếu cho SHB.

2. Bị đơn – Ông Nguyễn Cường A, bà Đào Thị H.

Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện Ngân hàng TMCP S có ghi đầy đủ cụ thể, đúng địa chỉ của người bị kiện là ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H, ở tại phường M, quận C, Hà Nôi. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành thu thập chứng cứ, trao đổi với công an phường M, quận C, Hà Nội và được biết ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H có đăng ký nhân khẩu thường trú tại phường M, quận C, Hà Nội, tuy nhiên ông A và bà H không còn sinh sống tại địa phương, đi nơi khác ở từ cuối năm 2017, hiện ở địa chỉ nào không rõ. Vì vậy, Toà án nhân dân quận Cầu

Giấy đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tại Uỷ ban nhân dân phường M, quận C, Hà Nội; tại phường M, quận C, Hà Nội là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng của ông A và bà H; tại bảng niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Do đó, không có lời khai của ông A, bà H.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Bà Chu Thị T, cháu Nguyễn Hồng N, cháu Nguyễn Hà Y.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành thu thập chứng cứ, trao đổi với công an phường M, quận C, Hà Nội và được biết những người có đăng ký nhân khẩu thường trú tại phường M, quận C, Hà Nội gồm: Bà Chu Thị T là mẹ đẻ ông Nguyễn Cường A; cháu Nguyễn Hồng N và cháu Nguyễn Hà Y là con gái của ông A, bà H. Hiện nay, tại địa chỉ này có bà T và cháu Y đang sinh sống thường xuyên, còn cháu N đã kết hôn và ở nơi khác không rõ địa chỉ. Vì vậy, Toà án nhân dân quận Cầu Giấy đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tại Uỷ ban nhân dân phường M, quận C, Hà Nội; tại phường M, quận C, Hà Nội là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng của cháu N; tại bảng niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Đồng thời Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T và cháu Y (do bà T là người đại diện theo pháp luật), tuy nhiên bà T cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự của mình. Do đó, không có lời khai của bà T, cháu N, cháu Y (do bà T đại diện).

* Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP S vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H thanh toán toàn bộ khoản nợ còn phải trả theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 191/2012/HĐTDNH-CN/SHB.LS ngày 29/6/2012, tạm tính đến ngày xét xử 30/7/2019 tổng số tiền là 5.378.446.626 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 2.300.000.000đ; Nợ lãi trong hạn là 504.115.167 đồng; Nợ lãi quá hạn là 2.574.331.459 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi của số tiền ông A và bà H chưa thanh toán cho SHB theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông A và bà H thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho SHB.

Nếu ông A và bà H không trả nợ hoặc không trả đủ nợ thì SHB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản đảm bảo nêu trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo

đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị tòa án tuyên buộc ông A, bà H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ còn thiếu cho SHB.

*Bị đơn; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng; Về phía các đương sự về cơ bản đã được đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành yêu cầu triệu tập của Tòa án. Vụ án bị kéo dài là do Tòa án phải bổ sung nhiều người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng; Các đương sự này không chấp hành việc triệu tập của Tòa án nên phải thực hiện thủ tục niêm yết văn bản tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S; Buộc ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H phải thanh toán các khoản tiền gồm: tiền nợ gốc, tiền nợ lãi, lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; Nếu ông A và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của luật thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:***

- Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ vào hồ sơ xin vay vốn của ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 72/2012/HĐTC-CN/SHB.LS ký ngày 29/6/2012 tại Văn phòng công Thái Hà. SHB - chi nhánh L đã cho ông A và bà H vay số tiền 2.300.000.000 đồng với mục đích để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô phục vụ mục đích kinh doanh.

Do đó, đây là vụ án Kinh doanh thương mại về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a

Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Bị đơn là ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị T, cháu Nguyễn Hồng N, cháu Nguyễn Hà Y (do bà T đại diện theo pháp luật) đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, được tống đạt bằng phương thức niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Cường A, bà Đào Thị H, bà Chu Thị T, cháu Nguyễn Hồng N, cháu Nguyễn Hà Y.

[2] **Về hợp đồng tín dụng**

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 191/2012/HĐTDNH-CN/SHB.LS ngày 29/6/2012, được ký kết tự nguyện; các bên đương sự có đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự; mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 122 Bộ luật dân sự 2005 xác định hợp đồng là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

- Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 2.300.000.000 đồng cho ông A và bà H. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông A và bà H chưa thanh toán cho SHB một khoản nợ nào. Do vậy, ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc này cho SHB.

Về tiền lãi: Tạm tính đến ngày xét xử 30/7/2019, số tiền lãi trong hạn phải trả là 504.115.167 đồng; số tiền lãi quá hạn phải trả là 2.574.331.459 đồng. Ông A và bà H phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ lãi này cho SHB.

Tại Khoản 1.1 và khoản 1.4 Điều 1 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 191/2012/HĐTDTDH-CN/SHB.LS quy định số nợ gốc, lãi suất vay trong hạn tính từ thời điểm giải ngân ngày 30/6/2012 đến ngày 30/6/2013 là 16,8%/năm. Lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần bằng mức cao nhất của lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 06 tháng trả lãi cuối kỳ do SHB quy định và áp dụng tài thời điểm tính lãi cộng (+) 7,8%. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Xét việc thoả thuận về tính lãi trong hạn và quá hạn của các bên trong hợp đồng tín dụng là không vi phạm quy định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận số lãi như Ngân hàng đã giải trình là lãi trong hạn phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là 504.115.167 đồng; lãi quá hạn phải trả số tiền là 2.574.331.459 đồng. Như vậy theo quy định tại Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Hợp đồng tín dụng ngắn

hạn số 191/2012/HĐTDTDH-CN/SHB.LS, cả gốc và lãi ông A và bà H phải trả cho SHB là 5.378.446.626 đồng. Số tiền này sẽ được tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự khi án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án.

[3] Về yêu cầu của Ngân hàng đối với việc xử lý tài sản bảo đảm nhận thấy :

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 72/2012/HĐTC-CN/SHB.LS ngày 29/6/2012 quy định tài sản bảo đảm tiền vay là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ phường M, quận C, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 583161, số vào sổ cấp GCN: 799.QĐ-UBND.2007/1100 do Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/5/2007, mang tên ông Nguyễn Cường A, ký ngày 29/6/2012 tại Văn phòng công chứng Thái Hà, thành phố Hà Nội để bảo đảm cho ông A và bà H vay số tiền là 2.300.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh L.

Tài sản thế chấp theo hợp đồng bao gồm:

- Quyền sử dụng đất: Giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ phường M, quận C, thành phố Hà Nội; Thửa số 02 (1p) + 12 (1p); Tờ bản đồ số 27; Diện tích: 4,83m x 6,20m = 30m2.

- Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở 01 tầng, diện tích xây dựng 21,7m2, loại nhà gạch.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cùng Hội đồng tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, kết quả như sau :

$$S_{đất} = \frac{(4{,}08m + 4{,}14m) \times (6{,}09m + 6{,}11m)}{2} \times \frac{}{2} = 25{,}1m2.$$

Tài sản gắn liền với đất: Nhà xây 4 tầng, tường gạch kiên cố. Nhà xây trên toàn bộ diện tích đất.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và các hộ gia đình liền kề với nhà đất của ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H, được biết: Từ trước đến nay nhà đất này không có tranh chấp với hàng xóm xung quanh cũng như trong gia đình không có tranh chấp gì kể cả phần xây dựng nhà. SHB cũng không có ý kiến gì về việc diện tích, hiện trạng nhà đất thực tế và trong hợp đồng thế chấp khác nhau.

Xét việc ký hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Thái Hà, thành phố Hà Nội và việc thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Cầu Giấy ngày 26/7/2012. Như vậy, hợp đồng thế chấp này là hợp pháp nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Diện tích nhà đất thế chấp trong thực tế và trong hợp đồng có sự thay đổi nhưng qua xác minh không có sự tranh chấp. Căn cứ vào Điều 355 Bộ luật dân sự 2005, Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp nếu bị đơn không trả nợ hoặc không trả đủ nợ.

[4] Về án phí sơ thẩm : Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H phải trả tổng số tiền là 5.378.446.626 đồng, (Trong đó: Nợ gốc là 2.300.000.000đ; Nợ lãi trong hạn là 504.115.167 đồng; Nợ lãi quá hạn là 2.574.331.459 đồng) được Tòa án chấp nhận, nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm với mức thu **(**112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng) là 113.378.446 đồng. Ngân hàng TMCP S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 97, Điều 171, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 318, 319, 323, 342, 355, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết 01/2018 quy định về lãi suất.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H về việc yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ của Hợp đồng

tín dụng ngắn hạn số 191/2012/HĐTDNH-CN/SHB.LS ngày 29/6/2012, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh L và ông Nguyễn Cường A, bà Đào Thị H.

2. Buộc ông Nguyễn Cường A, bà Đào Thị H phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử 30/7/2019 là 5.378.446.626 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 2.300.000.000đ; Nợ lãi trong hạn là 504.115.167 đồng; Nợ lãi quá hạn là 2.574.331.459 đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

3. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Cường A, bà Đào Thị H chưa thanh toán khoản nợ nói trên thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho SHB là: Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ phường M, quận C, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 583161, số vào sổ cấp GCN: 799.QĐ-UBND.2007/1100 do Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/5/2007, mang tên ông Nguyễn Cường A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 72/2012/HĐTC-CN/SHB.LS ngày 29/6/2012, ký tại Văn phòng công chứng Thái Hà, thành phố Hà Nội (thực tế tài sản thế chấp diện tích đất là 25,1m2; tài sản gắn liền với đất là nhà xây 4 tầng, tường gạch kiên cố, xây trên toàn bộ diện tích đất).

Trong trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ trên thì ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu.

4.Về án phí: Ông Nguyễn Cường A và bà Đào Thị H phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.378.446 đồng (Một trăm mười ba triệu ba trăm bẩy mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi sáu đồng).

Ngân hàng TMCP S được hoàn lại số tiền 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005012 ngày 25/5/2017 tại Cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**.**

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Ngọc Hà

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Những người tham gia tố tụng
- Niêm yết.
- Lưu hồ sơ
- Lưu văn phòng